

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KIDU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KIDU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIDU DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KIDU DE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108215794

3. Ngày thành lập: 04/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

xóm 1, thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01259777399

Fax:

Email: myvuks84@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); - Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...); - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng; - Vách ngăn phòng bằng kim loại.	2511
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
4.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
5.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
6.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
7.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
8.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
9.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
10.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
11.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
12.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
13.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
16.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
20.	Bán buôn tổng hợp	4690
21.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
22.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
23.	Xây dựng công trình công ích	4220
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
25.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
30.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Buôn bán thực phẩm chức năng (Theo Điều 15 Thông tư 43/2014/TT-BYT)	4632
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác; - Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như: giá sách, kệ....bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác. - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh .	4649
32.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663

34.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng (Theo Điều 15 Thông tư 43/2014/TT-BYT)	4722
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	4659
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu như: Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu	4661
37.	Khai thác gỗ	0221
38.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
39.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	1629
43.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
44.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
45.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
46.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
47.	Đúc sắt, thép	2431
48.	Đúc kim loại màu	2432
49.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
50.	Lập trình máy vi tính	6201
51.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
52.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
54.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng;	4799
55.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
58.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
59.	Quảng cáo	7310
60.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
61.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: hoạt động trang trí nội thất	7410
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
64.	Dịch vụ đóng gói	8292
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
66.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
67.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
69.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm.	4752
70.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
71.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí)	4773
73.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492

74.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Lập quy hoạch xây dựng; lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế xây dựng, thẩm tra, kiểm định, thí nghiệm, quản lý dự án, giám sát thi công và công việc tư vấn khác có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng. (theo khoản 24, điều 3 Luật Xây dựng 2014). - Thiết kế xây dựng công trình (theo điều 23 Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng). - Thiết kế kiến trúc công trình (theo điểm a, khoản 1 điều 48 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP). - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan (theo điểm b, khoản 1 điều 48 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP). - Thiết kế máy móc và thiết bị; thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; hoạt động đo đạc bản đồ, hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	7110
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Phòng 324, Tập thể Ngân Hàng, ngõ 96 phố Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	12.000.000.000	80,000	038085000208	
			Tổng số	120.000	12.000.000.000	80,000		
2	VŨ VĂN MỸ	Xóm Bắc Cường, Xã Văn Hải, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	10,000	037084003831	
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	10,000		

3	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	Thôn Thanh Cách, Xã Minh Khai, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	10,000	151465259	
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ VĂN MỸ**
Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Gi m c*

Sinh ngày: *08/04/1984*
Dân tộc: *Kinh*
Quốc tịch: *Vi t Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Th c n c c c ng d n*

Số giấy chứng thực cá nhân: *037084003831*

Ngày cấp: *08/01/2018*
Nơi cấp: *c c C nh s t KQL c tr v DLQG v d n c*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *X m B c C ng, X V n H i, Huy n Kim S n, T nh Ninh B nh, Vi t Nam*

Chỗ ở hiện tại: *X m l, th n Qu nh , X V nh Qu nh, Huy n Thanh Tr , Th nh ph H N i, Vi t Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội